

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS**

*Được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 ngày  
30/6/2023*

**Ninh Bình, 6/2023**

## MỤC LỤC

<b>Điều 1. Mục đích của Quy chế .....</b>	<b>3</b>
<b>Điều 2. Chữ viết tắt trong Quy chế .....</b>	<b>3</b>
<b>Điều 3. Đối tượng công bố thông tin.....</b>	<b>3</b>
<b>Điều 4. Nội dung Quy chế .....</b>	<b>4</b>
<b>PHỤ LỤC I .....</b>	<b>8</b>
<b>PHỤ LỤC II .....</b>	<b>17</b>

Ninh Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## **QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

*Căn cứ:*

- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư số 96/2020/TT-BTC”);
- Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết ban hành kèm theo Quyết định số 17/QĐ-HĐTĐ ngày 31/3/2022 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS;

### **Điều 1. Mục đích của Quy chế**

Quy chế công bố thông tin này (“Quy chế”) được ban hành nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng với Công ty và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định trong:

1. Thông tư 96/2020/TT-BTC;
2. Quy chế CBTT của SGDCK;
3. Các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc công bố thông tin có hiệu lực vào từng thời điểm.

### **Điều 2. Chữ viết tắt trong Quy chế**

- |             |                                                    |
|-------------|----------------------------------------------------|
| 1. TGD:     | Tổng Giám đốc                                      |
| 2. CBTT:    | Công bố thông tin                                  |
| 3. SGDCK:   | Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam                  |
| 4. HĐQT:    | Hội đồng quản trị                                  |
| 5. ĐHĐCĐ:   | Đại hội đồng cổ đông                               |
| 6. TCTLKCK: | Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam |
| 7. UBCKNN:  | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước                        |

### **Điều 3. Đối tượng công bố thông tin:**

Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau đây:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS (“Công ty”).

2. Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, TGD, Phó TGD, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương do ĐHCĐ bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban/Bộ phận kiểm toán nội bộ; thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin (sau đây gọi chung là “Người Nội Bộ”) và người có liên quan của Người Nội Bộ.
3. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
4. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
5. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Để làm rõ, tại Quy chế này, “Người có liên quan” có nghĩa là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 điều 4 Luật Chứng khoán.

#### **Điều 4. Nội dung Quy chế**

##### **1. Nguyên tắc CBTT**

- 1.1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
- 1.2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
- 1.3. Các đối tượng CBTT nêu tại Điều 3 Quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGĐCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm 1.1 nêu trên và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGĐCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGĐCK thực hiện công khai thông tin.
- 1.4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều này.
- 1.5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:
  - (i) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 (năm) năm;
  - (ii) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 (năm) năm.

## **2. Ngôn ngữ CBTT**

- 2.1. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là Tiếng Việt trừ trường hợp quy định tại điểm 2.2 khoản này.
- 2.2. Việc CBTT bằng tiếng nước ngoài không bắt buộc nhưng có thể khuyến khích áp dụng.

## **3. Người thực hiện CBTT của Công ty:**

- 3.1. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT (sau đây gọi chung là “Người CBTT”) của Công ty chịu trách nhiệm CBTT theo quy định.
- 3.2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban TGD có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 (một) người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban TGD phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 (một) người chịu trách nhiệm CBTT.
- 3.3. Công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về người CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư số 96/2020/TT-BTC và Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

## **4. Phương tiện báo cáo, CBTT**

### **4.1. Phương tiện báo cáo, CBTT:**

- (i) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- (ii) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- (iii) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
- (iv) Trang thông tin điện tử của TCTLKCK;
- (v) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

### **4.2. Người CBTT và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại điểm 4.1 khoản này phải đảm bảo nguyên tắc:**

- Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT.
- Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và/hoặc TCTLKCK.

### **4.3. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: Các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác... liên quan đến nội dung CBTT của Công ty phải là thông tin đã được TGD Công ty phê duyệt.**

### **4.4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.**

### **4.5. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.**

## **5. Chế độ báo cáo và CBTT**

5.1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:

- (i) CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I – Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
- (ii) CBTT bất thường theo quy định tại Mục II – Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
- (iii) CBTT theo yêu cầu theo quy định tại Mục III – Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.
- (iv) CBTT về các hoạt động khác của công ty đại chúng theo quy định tại Mục IV – Phụ lục 1 đính kèm Quy chế này.

5.2. Chế độ báo cáo, CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ lục 2 đính kèm Quy chế này.

## 6. Quy trình CBTT

Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo các bước như sau:

### 6.1. Bước 1. Cung cấp thông tin

- (i) Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan thuộc Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người CBTT hoặc Ban/Phòng phụ trách CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;
- (ii) Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTTKCK và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### 6.2. Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách CBTT thực hiện theo trình tự:

- (i) Kiểm tra thông tin;
- (ii) Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- (iii) Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

### 6.3. Bước 3. Trình TGD phê duyệt

- (i) Người CBTT/Ban/Phòng phụ trách CBTT trình TGD của Công ty xem xét, phê duyệt nội dung CBTT;
- (ii) Sau khi nội dung thông tin được phê duyệt, Người CBTT thực hiện công bố theo quy định.

### 6.4. Bước 4. Báo cáo và CBTT

- (i) Người CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố), đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật;
- (ii) Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

*Lưu ý: Các thông tin trên phải được gửi cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố) trước khi CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng khác.*

### 6.5. Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

## 7. Tạm hoãn công bố thông tin

- 7.1. Đối tượng CBTT được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác).
- 7.2. Đối tượng CBTT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- 7.3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng CBTT có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.
- 8. Trách nhiệm của Người CBTT**
- 8.1. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.
- 8.2. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm, mẫn cán.
- 9. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan**
- 9.1. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.
- 9.2. Trưởng các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.
- 9.3. Việc CBTT liên quan đến HĐQT/TGDĐ thì thư ký HĐQT/TGDĐ chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT và cung cấp thông tin cho Người CBTT.
- 10. Hiệu lực Quy chế**
- 10.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được HĐQT thông qua.
- 10.2. Chủ tịch HĐQT có quyền sửa đổi, bổ sung quy định này phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác CBTT và/hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi và/hoặc bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp. Nếu có mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ), các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 10.3. TGDĐ, các Phòng/Ban, cán bộ, nhân viên trong Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan trách nhiệm đến thực hiện nghiêm túc quy chế này.
- 10.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn và/hoặc vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Công ty để được hướng dẫn và/hoặc giải quyết.
- 10.5. Bất cứ vấn đề nào liên quan công tác CBTT của Công ty được quy định trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ CBTT, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ  
PV-INCONES  
TP. TAM ĐIỆP - TỈNH BÌNH ĐỊNH

Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC 1

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
I	<b>CBTT ĐỊNH KỲ</b>			
1	Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2	BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm tài chính.</li> <li>- Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm tài chính trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.</li> </ul>	
3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý.</li> <li>- Trong thời hạn 05 (năm) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc quý đối với BCTC quý được soát xét (nếu có).</li> </ul>	Trường hợp Công ty đã thực hiện CBTT BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của



				- Trong thời hạn 30 ngày, kết từ ngày kết thúc quý trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý
<p><i>Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu tại mục 1, 2, 3 nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></p> <p>a) <i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</i></p> <p>b) <i>Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</i></p> <p>c) <i>Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</i></p>					
4	Báo cáo thường niên		UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 (một trăm mười) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
5	Họp Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên				
5.1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ thường niên (kèm theo đường dẫn đến bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.)		UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thường niên.	
5.2	CBTT về biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên		UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết.	
6	Báo cáo tình hình quản trị		UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc 06 (sáu) tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	
7	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty		SGDCK	- Báo cáo 06 tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/7 - Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo	
II	<p><b>CBTT BẤT THƯỜNG (Đối với các trường hợp CBTT nêu tại khoản II.1 đến II.18, lưu ý phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có))</b></p>				

1	<p>Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp nêu trên.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
2	<p>Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
3	<p>Thông qua Nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
4	<p>Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
5	<p>Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	

6	<p>Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
7	<p>Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
8	<p>Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
9	<p>Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, người có liên quan của Người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	
10	<p>Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.</p>	<p>UBCKNN, SGDCK, website của Công ty</p>	<p>24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện</p>	

11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của Người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCCK Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC.	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 (sáu) tháng gần nhất được soát xét.	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, Người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Người nội bộ của Công ty	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
15	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	
16	Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	

17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công ty là công ty mẹ)	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
21	Quyết định góp vốn đầu tư có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện
22	Họp ĐHĐCĐ bất thường		
22.1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu họp	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	Tối thiểu 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ bất thường
22.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 giờ (hai mươi tư) kể từ khi ban hành Nghị quyết

23	Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty		
23.1	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
23.2	CBTT biên bản kiểm phiếu + nghị quyết ĐHĐCĐ	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi ban hành nghị quyết	
24	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến đối với trường hợp để tham dự họp ĐHĐCĐ. Các trường hợp khác: tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC.	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Trong thời hạn CBTT BCTC năm/bán niên/quý như quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 nêu trên.	
26	Trường hợp đặc biệt khác Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 (hai) kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	
<b>III CBTT THEO YÊU CẦU</b>				
1	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	UBCKNN, SGDCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK	

2	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK khi có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK.	
<b>IV CBTT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>				
1	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán và báo cáo sử dụng vốn	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	UBCKNN, SGDCCK, TCTLKCK, website của Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN, SGDCCK, website của Công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	(Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.)

**PHỤ LỤC 2**

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

*(đính kèm Quy chế Công bố thông tin của Công ty)*

**I. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA CÔNG TY**

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/dăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về giao dịch khi trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty.	- SGDCK - UBCKNN - Công ty	05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhó người có liên quan sở hữu từ 5%.	
2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về giao dịch khi không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty.	- SGDCK - UBCKNN - Công ty	05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhó người có liên quan sở hữu từ 5%.	
3	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết (áp dụng với cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty).	- SGDCK - UBCKNN - Công ty	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch.	
4	Công ty CBTT về các trường hợp tại mục 1, 2, 3 nêu trên.	Website của Công ty	03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại mục 1, 2, 3 nêu trên.	

**II. CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/dăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú



1	<p>Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ CBTT và báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch có giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SGDCK</li> <li>- UBCKNN</li> <li>- Công ty</li> </ul>	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc</p>	<p>Thông báo theo mẫu kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch</p>
2	<p>Người nội bộ/người có liên quan của người nội bộ phải CBTT về kết quả giao dịch quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SGDCK</li> <li>- UBCKNN</li> <li>- Công ty</li> </ul>	<p>Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch</p>	<p>Báo cáo theo mẫu kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC</p>
3	<p>Công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên</p>	<p>Website của Công ty</p>	<p>03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch của các đối tượng tại mục 1, 2 nêu trên.</p>	

### III. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:

STT	Nội dung công việc chính cần thực hiện	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Ghi chú
1	<p>Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức/cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p>Website của Công ty</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.</p>	

2	<p>HDQT Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của tổ chức/cá nhân; đồng thời báo cáo UBCKNN.</p> <p>Đánh giá, khuyến nghị của HDQT công ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HDQT có ý kiến khác, HDQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.</p>	Website của Công ty	<p>Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.</p>	
---	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------	--